

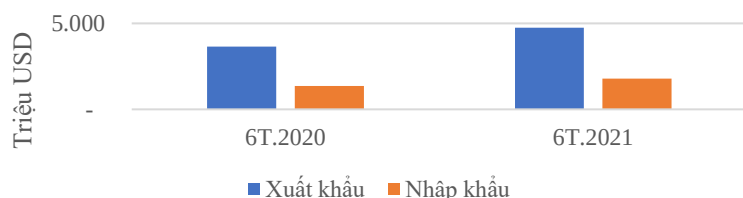
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường **TRUNG QUỐC**



TÌNH HÌNH CHUNG

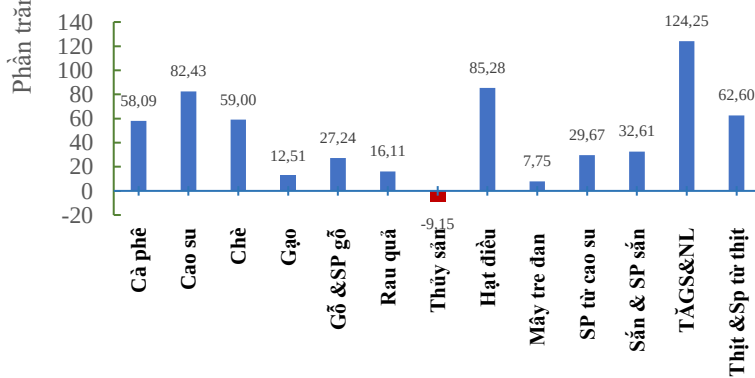
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam -Trung Quốc (6T- 2021/2020)

Xuất khẩu	▲ 30,55%
Nhập Khẩu	▲ 31,26%

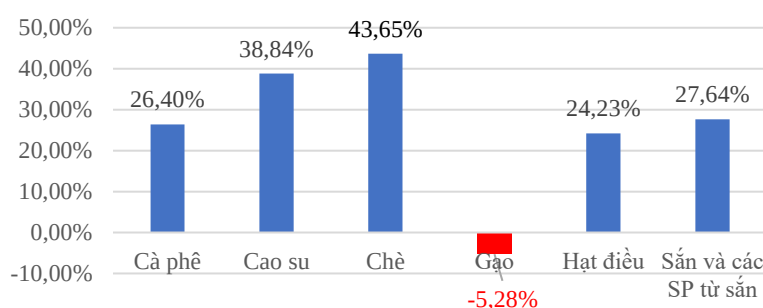
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Trung Quốc 6T-2021/20



So sánh 6T-2021/2020

Cà phê	▲ 58,09%
Cao su	▲ 82,43 %
Chè	▲ 59,00%
Gạo	▲ 12,51 %
Gỗ và SP gỗ	▲ 27,24%
Rau quả	▲ 16,11%
Thủy sản	▼ 09,15%
Hạt điều	▲ 85,28%
Mây tre đan	▲ 07,75%
SP từ cao su	▲ 29,67 %
Sản và SP sản	▲ 32,61%
TĂGS và NL	▲ 124,25 %
Thịt&SP từ thịt	▲ 62,60 %

Biến động giá xuất khẩu BQ T6.2021/T6.2020



So sánh giá xuất khẩu tháng 6.2021/2020

Cà phê	▲ 26,40%
Cao su	▲ 38,84%
Chè	▲ 43,65%
Gạo	▼ 05,28%
Hạt điều	▲ 24,23%
Sản & SP sản	▲ 27,64%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 4,75 tỷ USD, tăng 30,55% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 1,78 tỷ USD, tăng 31,26%. Tính riêng tháng 6/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 833,96 triệu USD, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 6 là cao su (chiếm 22,7%), rau quả (chiếm 19,1%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 16,5%), thủy sản (chiếm 10,8%), sắn và sản phẩm từ sắn (chiếm 9,2%), hạt điều (chiếm 7,5%), gạo (chiếm 6,7%). So với tháng 5/2021, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: cao su (tăng 119,1%), thịt và sản phẩm từ thịt (tăng 83,0%), chè (tăng 11,0%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 33,6%), rau quả (giảm 14,8%), hạt điều (giảm 12,4%). So với cùng kỳ, hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là thịt và sản phẩm từ thịt (tăng 491,3%), gạo (tăng 208,9%), cà phê (tăng 89,0%), sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 59,5%); mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thủy sản (giảm 21,0%), chè (giảm 2,7%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong quý II/2021 của quốc gia này đạt 7,9% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn so với ước tính. Mặc dù tốc độ đó vẫn mạnh hơn so với nhiều quốc gia khác, nhưng lại giảm rõ rệt so với mức tăng 18,3% mà nền kinh tế đạt được trong quý I năm nay. Nền kinh tế Trung Quốc duy trì sự phục hồi ổn định, tuy nhiên vẫn còn những lo ngại về sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong nước và trên toàn cầu; sự phục hồi không đồng đều giữa các ngành, các khu vực trong nước.

Doanh số bán lẻ tại Trung Quốc trong tháng 6 đạt mức tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức dự báo 11% được Reuters đưa ra. Tăng trưởng doanh số bán lẻ của Trung Quốc vẫn tốt hơn so với tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và thấp hơn kỳ vọng của các nhà phân tích trong hai tháng đầu tiên của quý II. Trong khi đó, sản xuất công nghiệp của Trung Quốc ghi nhận mức tăng 8,3%, cao hơn ước tăng 7,8% trước đó. Ngoài ra, theo công bố của Cơ quan hải quan Trung Quốc, xuất khẩu của nước này trong tháng 6 đã tăng cao hơn dự kiến lên mức 32,2%.

Chỉ số giá sản xuất của Trung Quốc cũng có những dấu hiệu tích cực, khi công cụ theo dõi giá của Bloomberg phản ánh sự sụt giảm trong tháng 7/2021 từ mức cao nhất được ghi nhận trong tháng 6/2021. Điều này cho thấy các biện pháp của chính

phủ nhằm thúc đẩy nguồn cung một số mặt hàng và việc bình ổn giá bắt đầu có hiệu quả.

Theo số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, thị trường bất động sản đã hạ nhiệt vào tháng 7/2021 sau khi chính phủ nỗ lực kiềm chế giá tăng cao, trong khi doanh số bán xe hơi vẫn ảm đạm. Tăng trưởng lợi nhuận tại các công ty công nghiệp của Trung Quốc tháng 6 đã chậm lại trong tháng thứ tư liên tiếp do giá nguyên liệu thô cao gây áp lực lên biên lợi nhuận của các nhà máy, cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới có một số điểm yếu. Lợi nhuận của các công ty công nghiệp trong tháng 6 đã tăng 20% so với cùng kỳ lên 791,8 tỷ CNY (tương đương 122,27 tỷ USD), sau khi tăng 36,4% trong tháng 5.

Theo Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PboC) thông báo cơ quan này sẽ hạ 50 điểm cơ bản tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) đối với tất cả các ngân hàng. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2021. Động thái của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc được kỳ vọng "giải phóng" khoảng 1.000 tỷ CNY (tương đương 154 tỷ USD) thanh khoản dài hạn cho nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Tuy nhiên, các chuyên gia từ Ngân hàng đầu tư đa quốc gia UBS đánh giá, việc cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở một mức độ nào đó đã làm tăng thêm lo ngại của các nhà đầu tư chứng khoán rằng sự phục hồi kinh tế trong quý II và quý III/2021 có thể không tốt như thị trường mong đợi.

Theo tờ The Economic Times, Trung Quốc đã từ chối nhập khẩu tôm đông lạnh của Ấn Độ do cáo buộc bao bì có virus SARS-CoV-2, nhưng không chia sẻ chi tiết về quá trình kiểm nghiệm. Ấn Độ là nước xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới và Trung Quốc là nước nhập khẩu thủy sản lớn thứ hai của Ấn Độ, trong đó hơn 46% là tôm đông lạnh. Tuy nhiên, bất đồng thương mại giữa hai nước bắt đầu từ tháng 11/2020, khi Trung Quốc đặt ra các hạn chế kiểm dịch thực vật đối với tôm của Ấn Độ. Căng thẳng leo thang khi vào giữa tháng 7/2021, Trung Quốc giữ lại 1.000 container tôm của Ấn Độ, vì cho rằng đã phát hiện có virus trên bao bì.

Theo thông tin từ Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC), vào cuối tháng 7/2021, các doanh nghiệp sản xuất phân bón lớn của Trung Quốc đồng loạt nhận được lệnh, tạm ngừng xuất khẩu để đảm bảo nguồn cung cho thị trường nội địa. Việc tạm ngừng xuất khẩu phân bón của Trung Quốc chưa biết sẽ kéo dài bao lâu. Theo Reuters, đây là động thái mới nhất của Bắc Kinh nhằm giải quyết bài toán giá nguyên liệu thô tăng vọt. Giá phân bón ở Trung Quốc đã đạt mức kỷ lục trong năm nay trong bối cảnh nhu cầu từ nước ngoài tăng mạnh hơn, trong khi sản xuất trong nước giảm và chi phí nhiên liệu tăng cao. Hiện giá ure giao kỳ hạn trên Sở giao dịch hàng hóa Trịnh Châu đã tăng hơn 30% so với hồi đầu năm và đạt mức cao kỷ lục 2.616 CNY (tương đương 405,19 USD)/tấn vào thứ Năm (29/7/2021) trước khi giảm

2,7% vào thứ Sáu (30/7). Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, giá urê giao ngay hiện ở mức 2.814 CNY (tương đương 435,85 USD)/tấn so với mức 2.674 CNY (tương đương 414,17 USD)/tấn trong tháng 6.

Theo báo cáo của Hãng cà phê Starbucks, doanh thu thuần hợp nhất cho quý tài chính thứ ba kết thúc vào ngày 27/6/2021 là 75 tỷ USD, tăng 78% so với năm trước, chủ yếu nhờ gia tăng 73% doanh số bán hàng tại các cửa hàng trên toàn cầu. Các cửa hàng đặt tại Hoa Kỳ và Trung Quốc chiếm 62% danh mục đầu tư toàn cầu của Starbucks tính đến cuối quý 3 năm 2021, trong đó Hoa Kỳ có 15.348 cửa hàng, Trung Quốc hiện có 5135 cửa hàng. Tại Trung Quốc, doanh số bán hàng tại các cửa hàng tăng 19% nhờ lượng giao dịch tăng 30%, bù đắp một phần do giá trung bình giảm 9%, doanh số cửa hàng của Trung Quốc có tác động bất lợi là 6%. Theo Starbucks, điều này là do việc miễn thuế giá trị gia tăng của năm trước ở Trung Quốc.

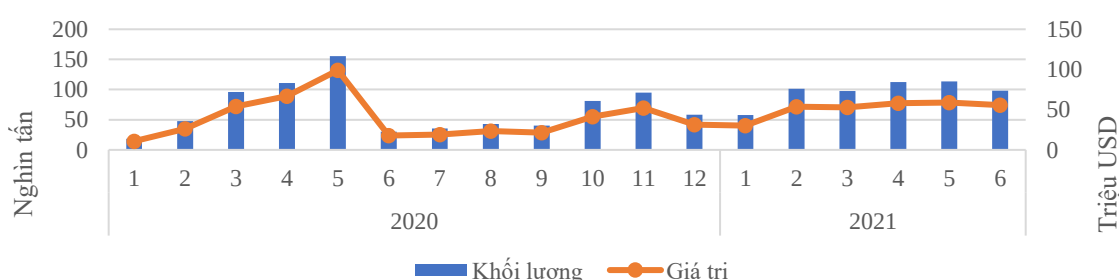
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 7/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm 2019/20. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2020/21 ước đạt 2,8 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm 2019/20. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 98,1 nghìn tấn gạo, trị giá 55,7 triệu USD sang Trung Quốc giảm 13,7% về khối lượng và 5,3% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 226,1% về khối lượng và 208,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 580,9 nghìn tấn, trị giá 308,7 triệu USD, tăng 26,7% về khối lượng và 12,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

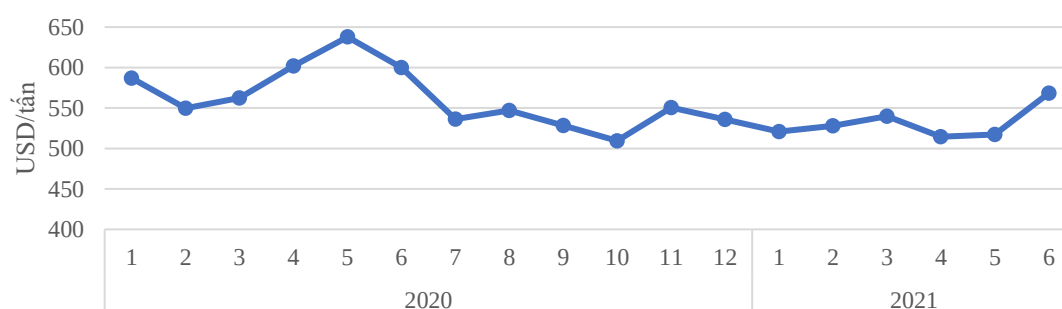
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021 đạt 568,2 USD/tấn, tăng 9,8% so với tháng trước, nhưng giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

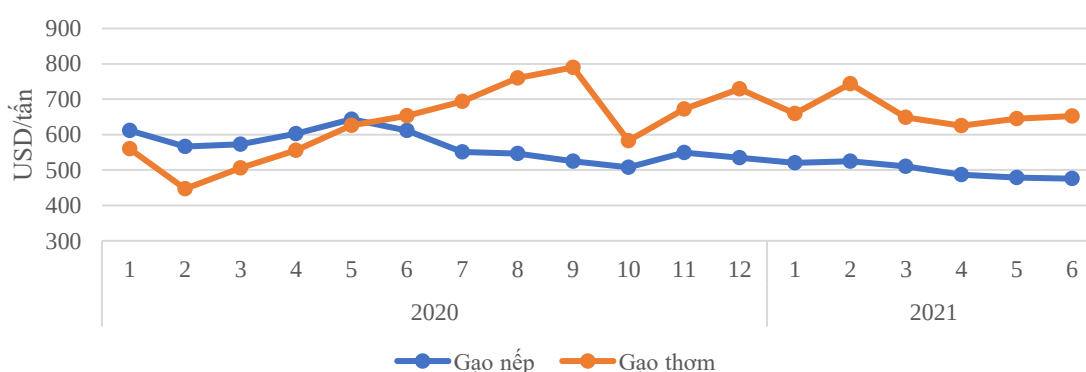


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, gạo thơm trở thành mặt hàng gạo xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 51,0 nghìn tấn và 33,2 triệu USD (chiếm 52,0% về khối lượng và 59,5% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm đã tăng rất mạnh so với mức 2,9 nghìn tấn và 1,9 triệu USD. Gạo nếp đứng vị trí thứ hai với kim ngạch 36,8 nghìn tấn và 17,4 triệu USD (chiếm 37,5% về khối lượng và 31,3% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã tăng 56,4% về khối lượng và 20,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021 đạt 652,5 USD/tấn, tăng 1,2% so với tháng trước nhưng giảm 0,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt trung bình 475,7 USD/tấn, giảm 0,6% so với tháng trước và 22,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

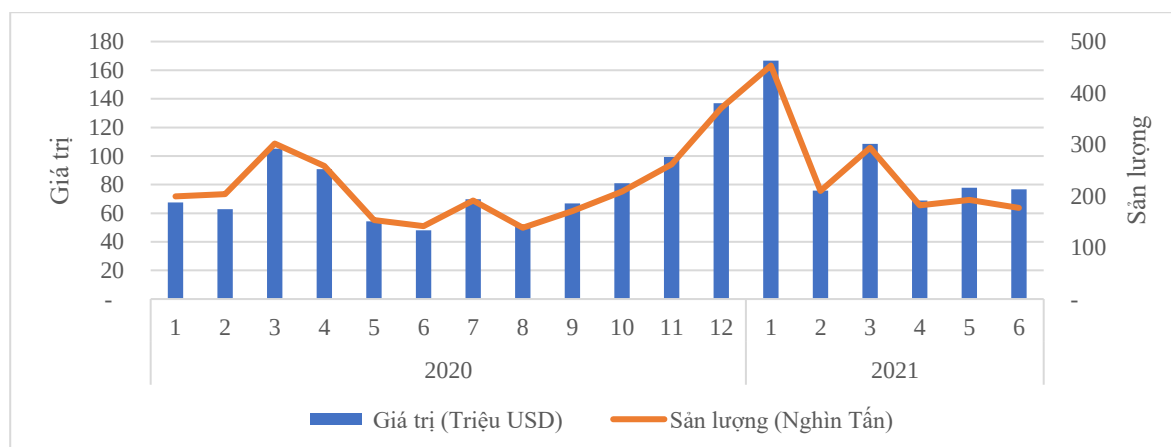
Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Thương mại Kiên Giang, Công ty TNHH Dương Vũ, và Công ty CP Tân Đồng Tiến. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 12,7%, 12,2%, và 12,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 6/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Thương mại Kiên Giang không xuất khẩu trong tháng 6/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 6/2021, Công ty TNHH Dương Vũ tăng 142,0% và Công ty CP Tân Đồng Tiến tăng 242,7%.

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu được 176,9 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 76,8 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 8,1% về khối lượng và giảm 1,4% về giá trị so với tháng 5/2021, tăng 25,0% về khối lượng và tăng 59,5% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường này đạt 1,5 triệu tấn, trị giá

566,2 triệu USD, tăng 18,0% về khối lượng và tăng 32,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

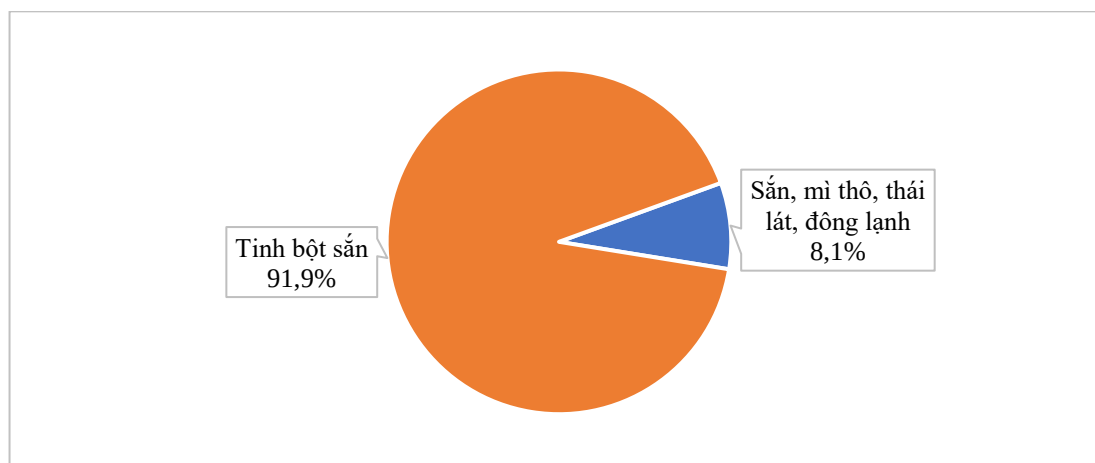
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 92,4% về khối lượng và 92,3% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 6 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 70,6 triệu USD, chiếm 91,9% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 89,1% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 6,2 triệu USD (chiếm 8,1%), giảm 42,6%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Fococcev Việt Nam, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Hưng với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 18,6%; 10,5% và 4,5%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm ngoái, Công ty CP Fococcev Việt Nam tăng 236,5%, Công ty CP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi tăng 152,6% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Hưng tăng 16,9%.

3. RAU QUẢ

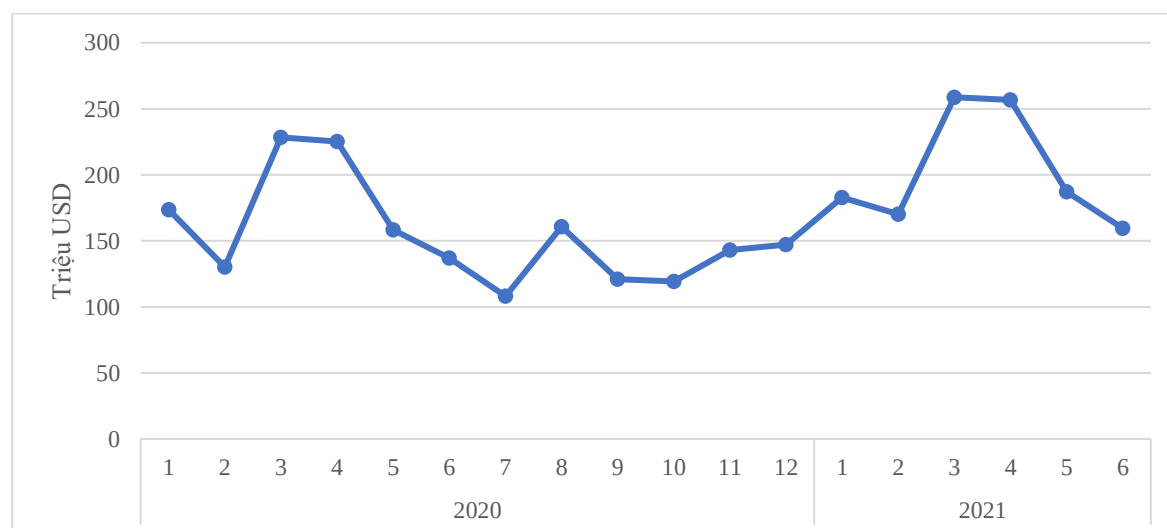
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, giá trị nhập khẩu trái cây của Trung Quốc đạt 8,25 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2020; giá trị xuất khẩu trái cây của Trung Quốc đạt 3,25 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2020. Xuất nhập khẩu trái cây của Trung Quốc trong những năm gần đây rất sôi động, thương mại trái cây chiếm hơn 6% tổng lượng trái cây toàn cầu. Năm 2020, lần đầu tiên nhập khẩu trái cây của nước ta vượt 10 tỷ USD, đạt 10,26 tỷ USD.

Theo số liệu phân tích của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng anh đào của Trung Quốc trong niên vụ 2021/22 sẽ đạt 600 nghìn tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích trồng anh đào của Trung Quốc trong niên vụ 2021/22 dự kiến đạt 163.000 ha, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Theo thông tin từ Công ty Cơ khí chế tạo máy Trung Quốc, chi nhánh tại Pakistan (CMEC), Trung Quốc sẽ nhập khẩu 300 tấn ớt sấy khô trồng tại Lahore, tỉnh Punjab, Pakistan vào tháng 8/2021.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 6 năm 2021 đạt 159,4 triệu USD, chiếm 49,7% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 14,8% so với tháng trước và tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,2 tỷ USD (chiếm 59,8% thị phần), tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



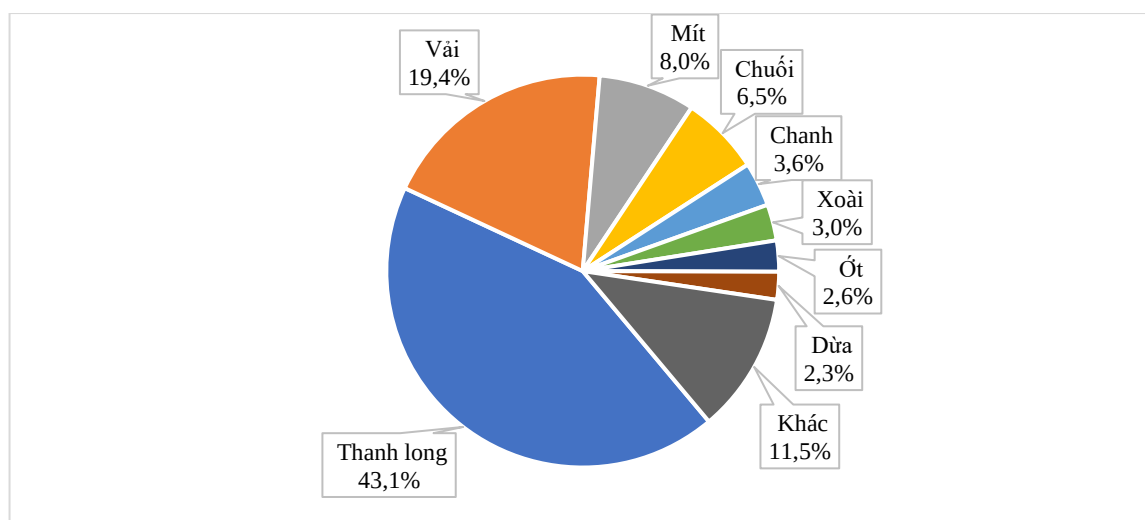
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 6 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 141,1 triệu USD (chiếm 88,5% thị

phần, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2020) và rau quả chế biến đạt 18,4 triệu USD (chiếm 11,5%), tăng 54,8%. So sánh với cùng kỳ năm 2020, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 8,6 triệu USD, tăng 35,1%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 7,7 triệu USD, tăng 81,6%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt gần 0,9 triệu USD, tăng 20,9%; ...

Trong tháng 6 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 68,6 triệu USD (chiếm 43,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2020; vải đạt 31 triệu USD (chiếm 19,4%), tăng 43,9%; mít đạt 12,7 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 36,6%; chuối đạt 10,4 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 38,9%; chanh đạt 5,8 triệu USD (chiếm 3,6%), tăng 80,3%; ...

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 6/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 6 năm 2021 đạt 32,2 triệu USD, chiếm 27,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2020. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 197 triệu USD (chiếm 28,5% thị phần), tăng 38,9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 6, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 8,3 triệu USD (chiếm 25,8% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 2,9 triệu USD (chiếm 9,0%), giảm 20,8%; cà rốt đạt 2,7 triệu USD (chiếm 8,5%), tăng 18,2%; khoai tây đạt 2,3 triệu USD (chiếm 7,3%), tăng 14,7%; v.v.

Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ XNK Duệ Dương, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn và Công ty TNHH MTV XNK Thành Sơn với tỷ trọng xuất khẩu

lần lượt là 3,8%; 3,0% và 3,0%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dân Ôn tăng 161,5%. Trong khi Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ XNK Duệ Dương và Công ty TNHH MTV XNK Thành Sơn không xuất khẩu trong tháng 6/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 6/2021.

4. CÀ PHÊ

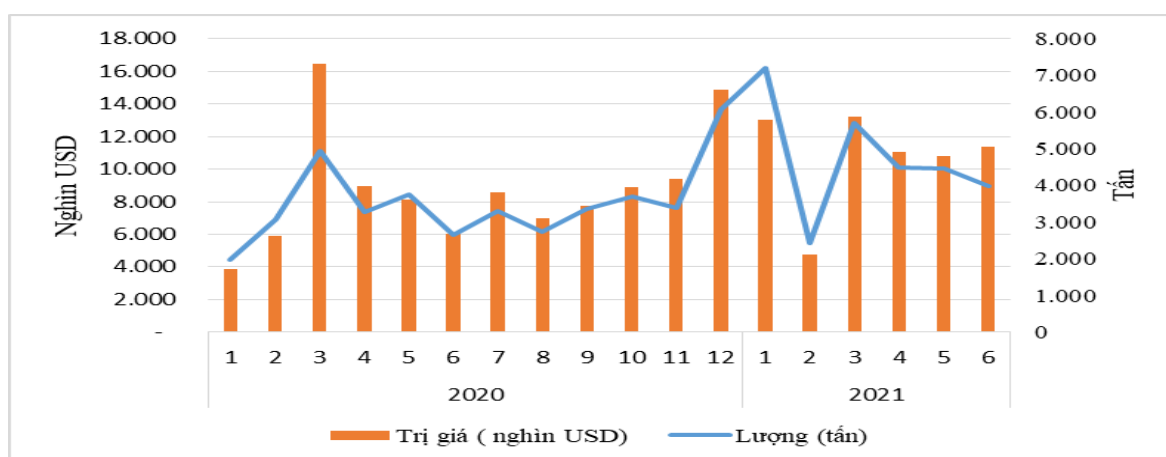
Theo báo cáo của Hãng cà phê Starbucks, doanh thu thuần hợp nhất cho quý tài chính thứ ba kết thúc vào ngày 27/6/2021 là 75 tỷ USD, tăng 78% so với năm trước, chủ yếu nhờ gia tăng 73% doanh số bán hàng tại các cửa hàng trên toàn cầu. Các cửa hàng đặt tại Hoa Kỳ và Trung Quốc chiếm 62% danh mục đầu tư toàn cầu của Starbucks tính đến cuối quý 3 năm 2021, trong đó Hoa Kỳ có 15.348 cửa hàng, Trung Quốc hiện có 5135 cửa hàng. Tại Trung Quốc, doanh số bán hàng tại các cửa hàng tăng 19% nhờ lượng giao dịch tăng 30%, bù đắp một phần do giá trung bình giảm 9%, doanh số cửa hàng của Trung Quốc có tác động bất lợi là 6%. Theo Starbucks, điều này là do việc miễn thuế giá trị gia tăng của năm trước ở Trung Quốc.

Phòng thí nghiệm Cà phê Đài Loan, thay mặt cho Hội đồng Nông nghiệp, Nhà điều hành Yuan ROC (Đài Loan) và Hiệp hội Cà phê Đài Loan, đã hợp tác với Liên minh Cà phê Xuất sắc Alliance of Coffee Excellence (ACE) để tổ chức Đấu giá Bộ sưu tập Tư nhân đầu tiên về cà phê đặc sản của Đài Loan. Cuộc đấu giá sẽ có chín lô cà phê chiến thắng, tất cả đều đạt từ 86 điểm trở lên. Các lô này đại diện cho ba giống: Geisha, SL34, và một loại không xác định. Các lô cũng đại diện cho ba quá trình bao gồm mật ong, tự nhiên và rửa sạch.

Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 13 của Việt Nam, chiếm khoảng 5% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 6/2021 đạt 3.968 tấn, trị giá 11,37 triệu USD, giảm 11,19% về lượng nhưng tăng 5,55% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 6/2020, xuất khẩu cà phê tăng 49,51% về lượng và tăng 88,99% về giá trị.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 28.299 tấn, trị giá 64.211 triệu USD, tăng 43,44 % về lượng và giảm 42,73% về giá trị so với cùng kỳ.

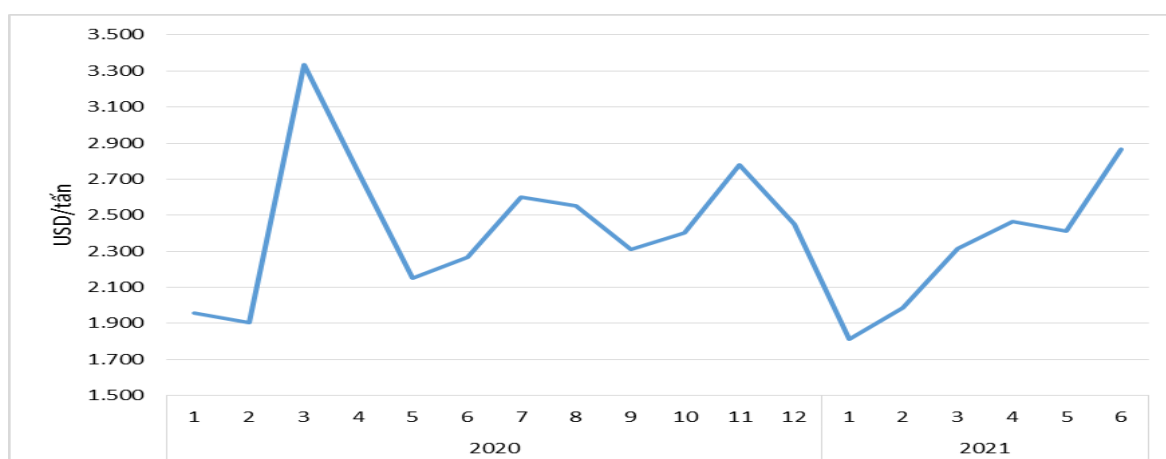
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.866 USD/tấn, tăng 18,85% so với tháng trước và tăng 26,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



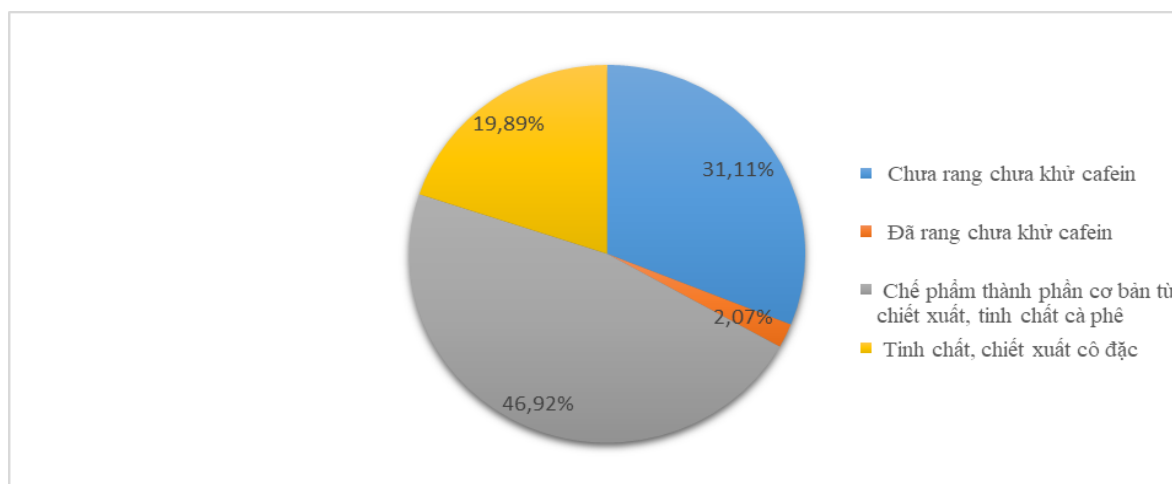
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 6/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 29,45%, cà phê hòa tan, tinh chất, chiết xuất chiếm tỷ trọng 70,55%. Tỷ lệ cà phê chế biến tăng 10,61% so với cùng kỳ. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 6/2021 cụ thể như sau:

Chiếm tỷ lệ cao nhất là chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 5,6 triệu USD, chiếm 46%, tăng 128% so với cùng kỳ. Tiếp đến là cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 3,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 31,11%, tăng 41,11% so cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 2,3 triệu USD, chiếm 19,89%, tăng 108 %

so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 181 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 2,09%, tăng 181% so với cùng kỳ.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là: Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Dakman Việt Nam, Công ty TNHH Cofco International Việt Nam với thị phần lần lượt là: 50,3%; 9,17% và 8,4%.

5. CAO SU

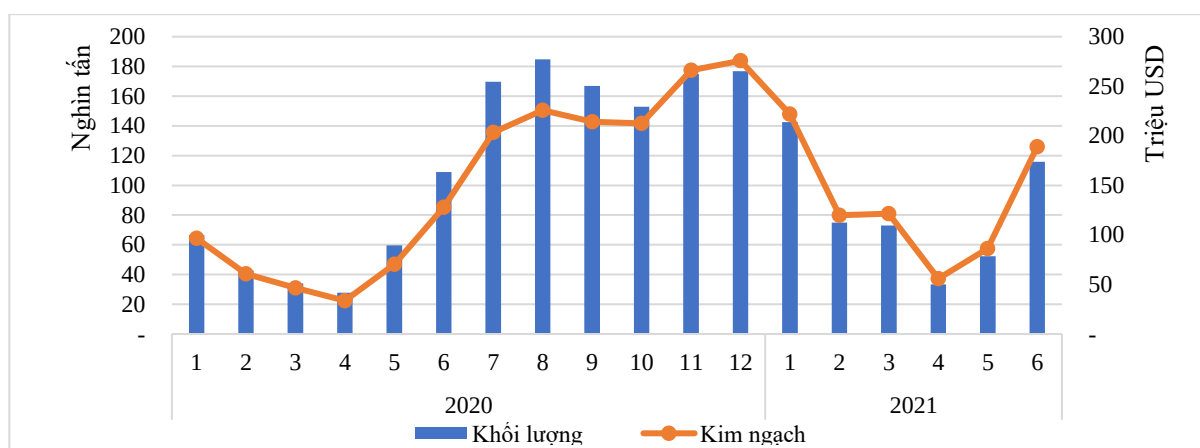
Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 5 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 5,14 tỷ USD, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Nhật Bản và Indonesia là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trong 5 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 770,01 triệu USD, tăng 77,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 5 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu cao su tự nhiên đạt 1,49 tỷ USD, tăng 49,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc nhập khẩu cao su tự nhiên chủ yếu từ các thị trường như: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Bờ Biển Ngà và Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 115,9 nghìn tấn với trị giá 188,9 triệu USD, tăng 121,8% về khối lượng và 119,1% về giá trị so tháng trước, và tăng 6,3% về khối lượng và tăng 47,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

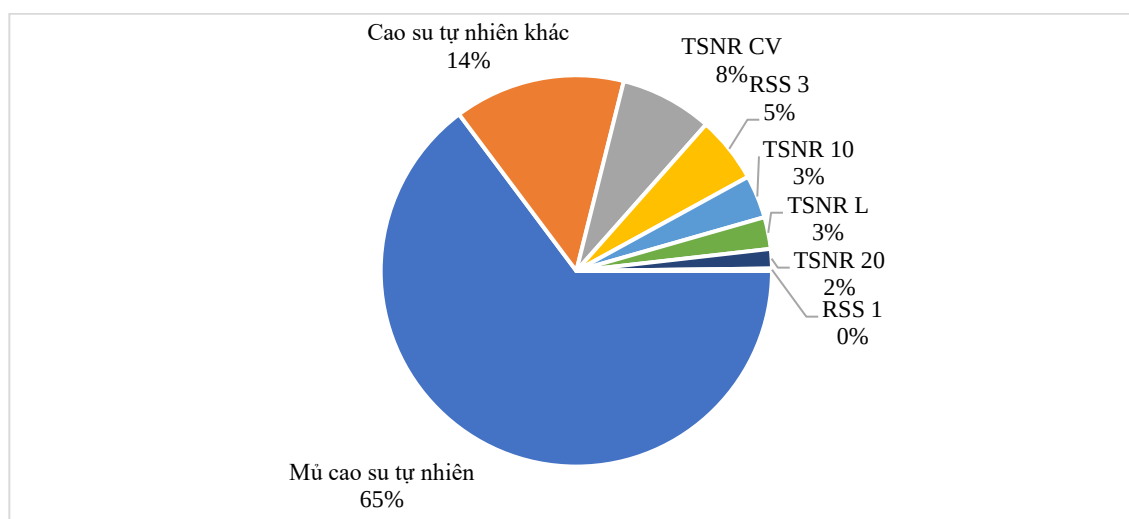
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

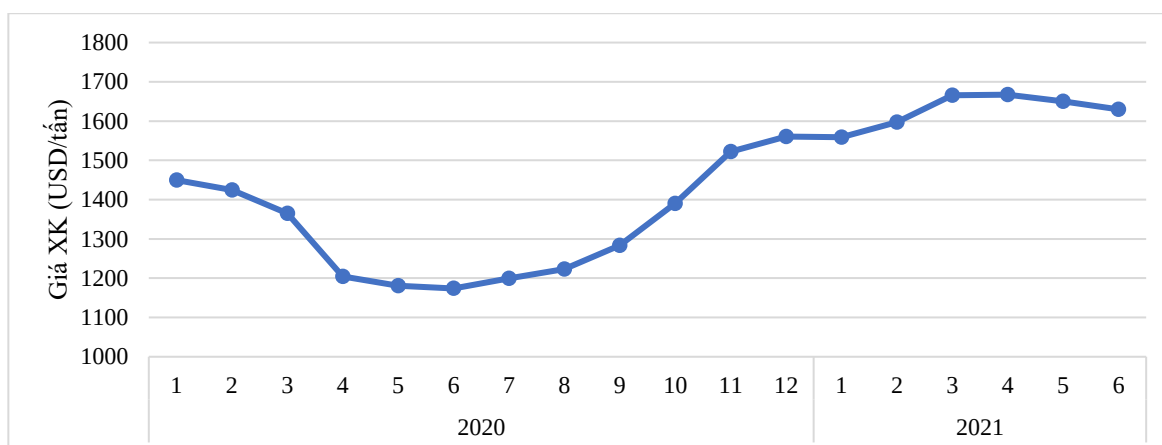
Trong tháng 06/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 13,9 triệu USD, chiếm 64,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 1,6 triệu USD, chiếm 7,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tằm cao su xông khói RSS 3 và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10, chiếm lần lượt 5,5% và 3,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc giảm nhẹ trong tháng 06/2021 đạt mức 1.630 USD/tấn, giảm nhẹ 1,2% so với tháng trước nhưng tăng 38,8% so với cùng kỳ 2020.

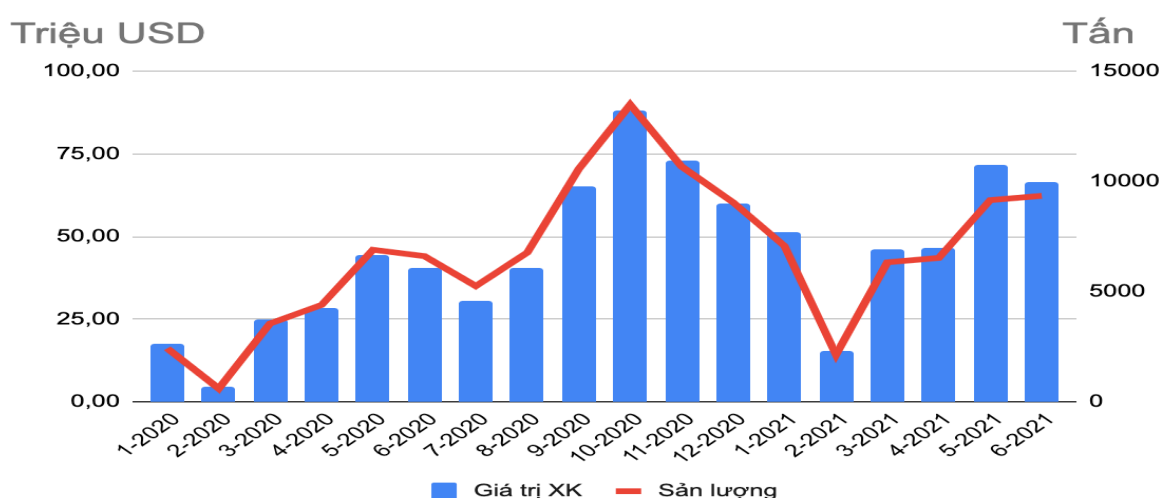
Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Vạn Lợi, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Bình Phước và Công ty Cao su Thuận Lợi. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 31,3%, 14,5% và 6,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 06/2021.

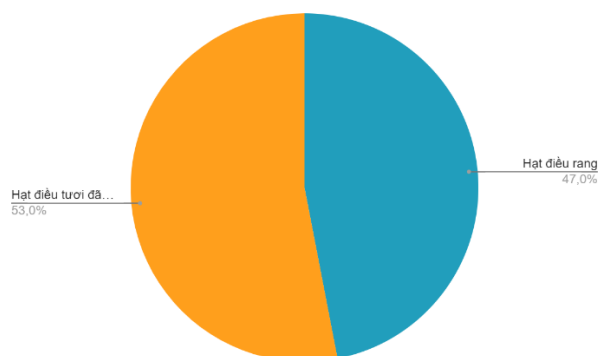
6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,28 nghìn tấn, trị giá 62,72 triệu USD, tăng 25,3% về khối lượng và 55,7% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 293,93 triệu USD, tương ứng với 39,48 nghìn tấn, tăng 83,6% về giá trị và 61,4% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trung Quốc là thị trường duy nhất tăng mạnh trở lại cả về giá trị lẫn sản lượng điều trong những tháng đầu năm 2021. Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này vào tháng 6/2021, chiếm 53,04%; hạt điều rang chiếm 46,96%.



So với tháng 6/2020

- Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 32,02(tr.USD) ▲ 51,9%
- Hạt điều rang đạt 28,36 (tr.USD) ▲ 152,8%

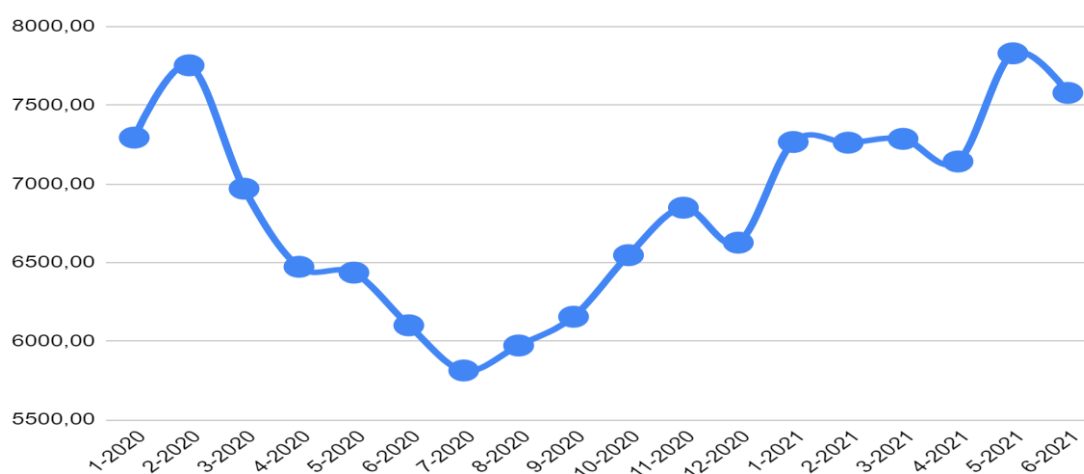
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu điều có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, điều tươi đã bóc vỏ giảm tới 22,4% và điều rang giảm 8,3% so với tháng trước. Do dịch Covid đang bùng phát trở lại dẫn đến nhu cầu tiêu dùng trong nước có xu hướng giảm. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển tăng và việc quản lý chặt trong vận chuyển khi dịch Covid lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam cũng làm ảnh hưởng lớn đến vấn đề này.

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021 có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 7,58 nghìn USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng trước nhưng tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

ĐVT: USD/tấn



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6,21 USD/kg tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,1% so với tháng trước; điều rang đạt 8,76 USD/Kg tăng 18,2% so với 6/2020 và giảm 5,1% so với tháng 5/2021

Tháng 6/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu GOLDEN SUN chiếm 20,16% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này; Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 6,22% và Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Sâm Đạt chiếm 4,81%.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc cho biết, giá thịt heo ở nước này đã giảm trong tháng 6/2021. Chỉ số giá thịt heo trung bình tại 16 khu vực cấp tỉnh do Bộ trên theo dõi là 20,01 nhân dân tệ (khoảng 3,1 USD/kg) trong tháng 6/2021, giảm 16,6% so với tháng trước đó. Chỉ số giá thịt heo tại nước này trong tháng 6/2021 đã giảm 54,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Từ đầu năm đến nay, giá heo hơi tại Trung Quốc đã giảm mạnh do nguồn cung cải thiện đáng kể và nhu cầu giảm khiến các cơ quan chức năng phải vào cuộc bằng nhiều biện pháp để bình ổn thị trường. Chỉ trong tháng 6/2021, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC) đã hai lần đưa ra cảnh báo giá heo hơi lao dốc quá mức, đồng thời khuyến cáo người chăn nuôi heo điều chỉnh kế hoạch để ổn định nguồn cung.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC) Trung Quốc cho biết, nước này cũng đã bắt đầu thu mua thịt heo để bổ sung nguồn dự trữ ở cả cấp trung ương và địa phương do chỉ số theo dõi giá thịt heo đã giảm xuống dưới mức cảnh báo.

Theo Bloomberg, giá heo hơi giao sau tại sàn giao dịch hàng hóa Chicago đã tăng hơn 25% trong năm nay do nhu cầu lớn và chi phí thức ăn chăn nuôi cao hơn. Ngược lại, giá thịt heo tại Trung Quốc đã giảm hơn 50% do nguồn cung nội địa bật tăng sau khi đàn heo trong nước phục hồi hậu dịch tả heo châu Phi (ASF).

Theo dữ liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, sản lượng thịt heo ở Trung Quốc trong nửa đầu năm nay của Trung Quốc đã nhảy vọt hơn 36% so với cùng kỳ năm ngoái, lên khoảng 27 triệu tấn, trong khi đàn heo đã tăng gần 30% lên 439 triệu con vào cuối tháng 6.

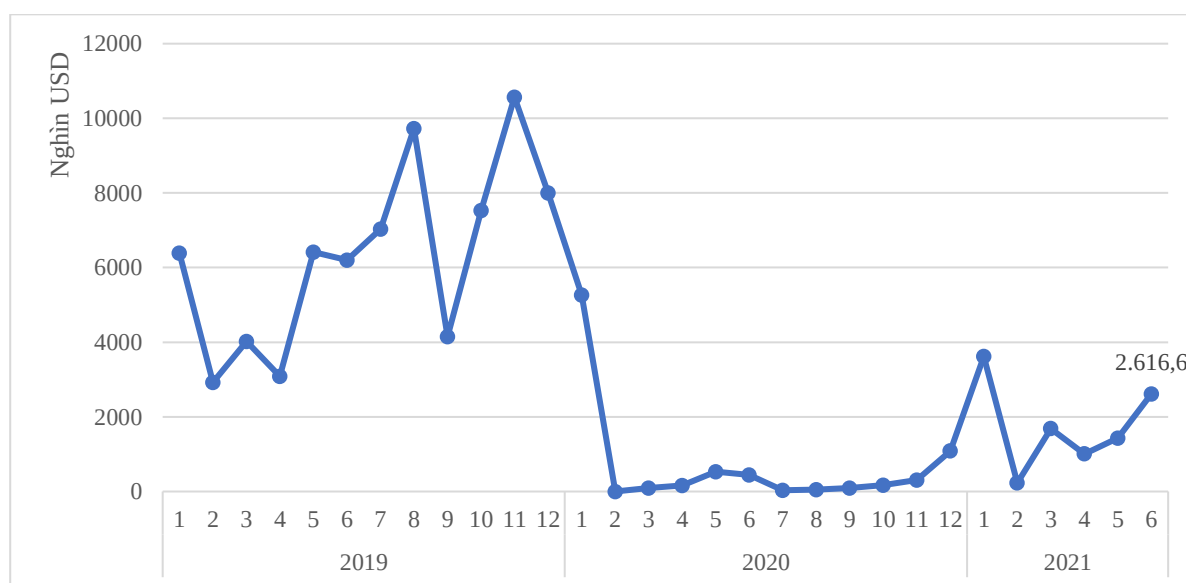
Theo tư vấn của Bric Agricultural Group, chính phủ Trung Quốc không còn cần phải nhập khẩu thịt heo để bổ sung vào kho dự trữ chiến lược sau khi giá thịt heo

trong nước sụt giảm. Hiện tại, Bắc Kinh đang tiếp cận nguồn thịt heo từ thị trường nội địa. Trung tuần tháng 7, chính phủ Trung Quốc đã mua khoảng 17.000 tấn thịt heo, đến cuối tháng 7 mới mua thêm khoảng 13.000 tấn.

Trong tháng 6/2021, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 2,62 triệu USD, tăng 83% so với tháng trước, chiếm 25,9% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu trong tháng 6 vẫn các mặt hàng chế biến như là các loại thịt chế biến như thịt trâu khô (55,25%) và các sản phẩm chế biến như gia cầm như chân gà, v.v.

Trong tháng 6, chỉ có 6 doanh nghiệp được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc. Trong đó, 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn nhất là Công ty TNHH Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu ABP Việt Nam, Công Ty TNHH Dịch Vụ và Xuất Nhập Khẩu Thành Long, Công ty Cổ Phần Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Hải Phòng.

Hình 16: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 6/2021 đạt 37 nghìn USD, giảm 49% so với tháng trước, và giảm 94,6% cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống.

8. THỦY SẢN

Theo hải quan Trung Quốc, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc tăng 2% lên 6,88 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2021, bất chấp việc nhập khẩu bị gián đoạn do các đợt kiểm tra coronavirus. So với nửa đầu năm 2019, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đã giảm 4%. Nhập khẩu tăng so với nửa đầu năm 2020 là do nhập khẩu tăng từ Canada, Na Uy và New Zealand tăng mạnh. Cụ thể, 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản từ Canada đạt 467 triệu USD, tăng 23%; nhập khẩu từ Na Uy tăng 16% lên 336 triệu USD; nhập khẩu từ New Zealand tăng 26% so với cùng kỳ năm ngoái lên 207 triệu USD.

Theo cơ quan thống kê của Trung Quốc, giá thủy sản trong nước của quốc gia này đang tăng mạnh. Giá bán buôn thủy sản nước ngọt tăng 20% trong nửa đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 tại Trung Quốc. Mức tăng giá này tương đương cao hơn 13,1 điểm phần trăm so với mức tăng giá trong nửa đầu năm 2020 và đóng góp thêm 0,12 điểm phần trăm vào chỉ số giá tiêu dùng chung (CPI) của Trung Quốc. Chỉ số giá thủy sản nói chung tăng 17,2% so trong nửa đầu năm 2021, cho thấy nguồn cung thủy sản trong nước của Trung Quốc đang giảm dần.

Theo The New Indian Express đưa tin ngày 21/7, hiện nay có khoảng 1.000 – 1.200 container tôm thuộc về ít nhất 50 nhà xuất khẩu tôm Ấn Độ hiện bị mắc kẹt tại các cảng của Trung Quốc. Các container này, mỗi container có khoảng 16 tấn tôm đông lạnh, có tổng trị giá khoảng 12 tỷ rupee, tương đương 160,6 triệu USD. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này do cơ quan chức năng của Trung Quốc đã phát hiện dấu vết của Covid 19 trên bao bì sản phẩm tôm. Theo báo cáo của các nhà chức trách Ấn Độ, có tới 50 công ty xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ đã bị Trung Quốc đình chỉ xuất khẩu, điều đó có nghĩa là họ bị ngăn cản chuyển container của họ vào Trung Quốc hoặc lấy chúng từ các cảng của Trung Quốc.

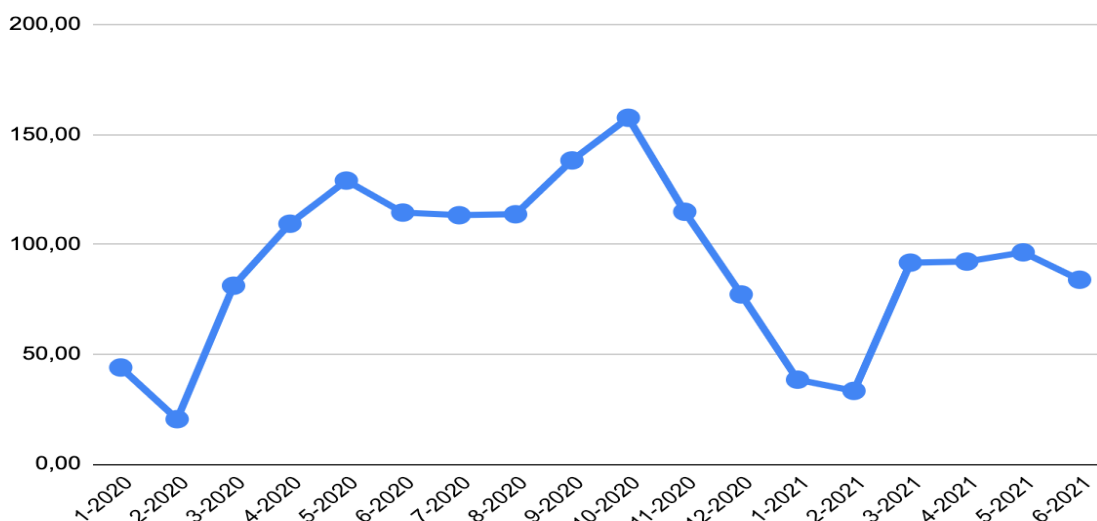
Theo Bộ Nông nghiệp Trung Quốc, nguồn cung thủy sản trong nước sẽ tiếp tục khan hiếm trong ngắn hạn. Nguyên nhân, do vụ nuôi trồng năm trước bị gián đoạn do ảnh hưởng của Covid và việc kiểm soát đánh bắt chặt chẽ của quốc gia này khiến sản lượng thủy sản giảm. Ngoài ra, người tiêu dùng Trung Quốc vẫn lo lắng về vi rút coronavirus trên thủy sản nhập khẩu, do vậy làm tăng nhu cầu đối với cá nội địa.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021 đạt 83,90 triệu USD, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước và 12,9% so với tháng 5/2021 đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2021 sang thị trường này đạt 438,36 triệu USD, giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU,

Hàn Quốc chiếm 10,4% tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 32%; cá da trơn chiếm 43,5%.

Hình 17. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

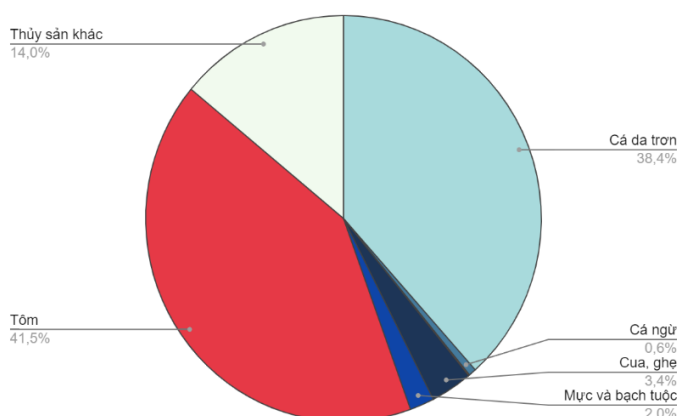
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh từ tháng 4/2021 so với cùng kỳ năm trước do quốc gia này ngày càng siết chặt kiểm tra virus SARS-CoV-2 đối với hàng thủy sản đông lạnh nhập khẩu.

Hình 18. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 6/2021

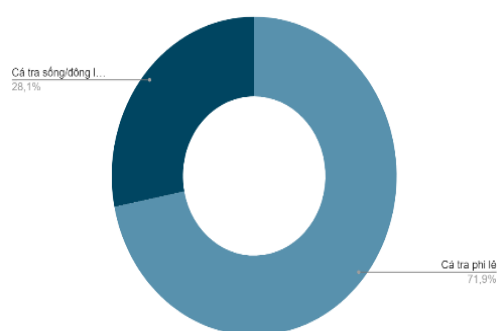


SO VỚI THÁNG 6/2020

- ✚ Tôm đạt 34,82 triệu USD, ▼ 37,1%
- ✚ Cá da trơn đạt 32,19 triệu USD, ▼ 30,6%
- ✚ Cua-ghẹ 38 triệu USD, ▼ 9,8%
- ✚ Mực và Bạch tuộc đạt 1,65 triệu USD, ▼ 66,3%
- ✚ Thủy sản khác đạt 11,77 triệu USD, ▼ 29,6%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

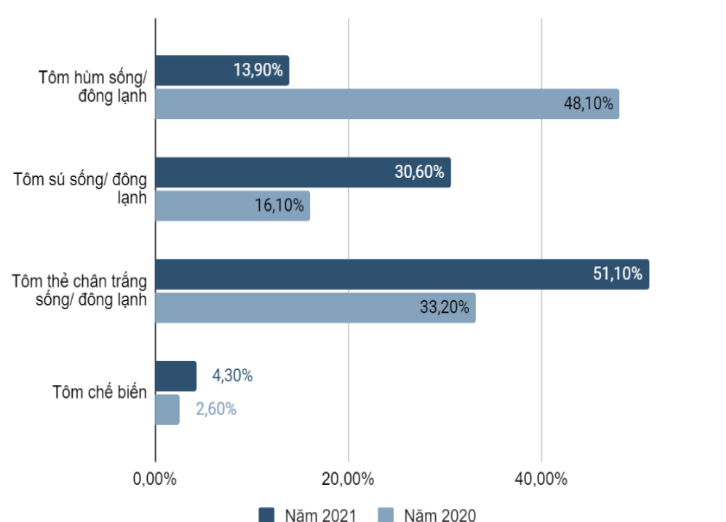
Cá da trơn vẫn là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc (chiếm tới 38,4%) trong tháng 6/2021 đạt 32,19 triệu USD, giảm 30,6% so với cùng kỳ năm trước và 23,1% so với tháng 5/2021.

Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021**SO VỚI THÁNG 6/2020**

- ✚ Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 9,05 (tr.USD), ▲ 28,9%
- ✚ Cá tra phi lê đạt 23,14 (tr.USD), ▼ 40,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tương tự các mặt hàng thủy sản khác, xuất khẩu tôm sang thị trường này trong tháng 6/2021 có xu hướng giảm mạnh.

Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2020-2021**SO VỚI THÁNG 6/2020**

- ✚ Tôm chế biến các loại đạt 2,43 (tr.USD), ▲ 134%
- ✚ Tôm hùm đạt 0,25 (tr.USD), ▼ 98,8%
- ✚ Tôm sú 9,65 (tr.USD), ▼ 32,7%
- ✚ Tôm thẻ đạt 18,42 (tr.USD), ▼ 25,9%
- ✚ Thủy sản khác đạt 16,07 (tr.USD), ▼ 6,8%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 6/2021 như sau: cá da trơn đạt 1,75 USD/kg, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước và 2,2% so với tháng 5/2021; tôm đạt 8,4 USD/kg, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 16,1% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 6/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,75	8,0%	2,2%
2	Cua, ghẹ	6,64	-24,7%	4,3%
3	Mực và bạch tuộc	1,78	-37,6%	-22,9%
4	Tôm	8,40	-17,8%	16,1%

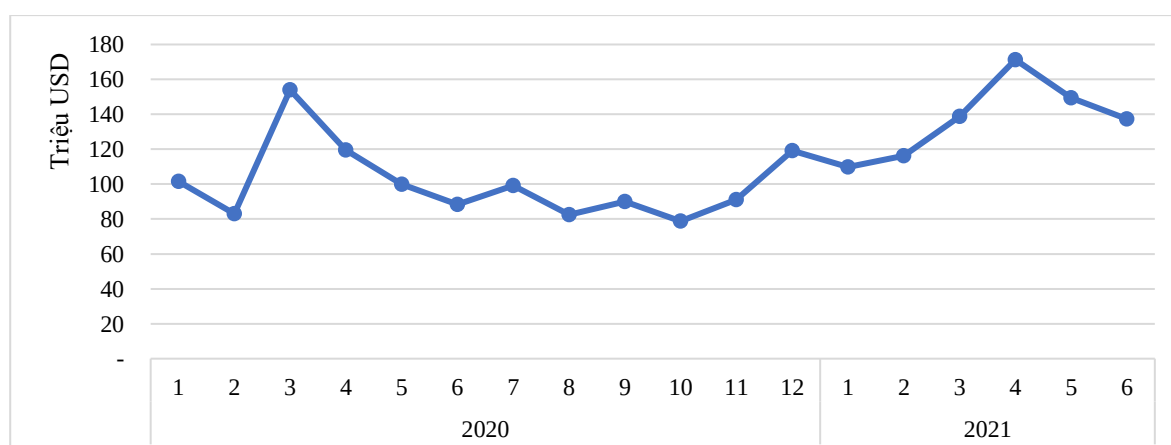
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 6 năm 2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đa quốc gia I.D.I chiếm 4,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần chế biến và nhập khẩu thủy sản CADOVIMEX II chiếm 4,1%; Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chiếm 3,9%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 137,4 triệu USD, giảm 8,0% so với tháng trước nhưng tăng 55,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 21: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc

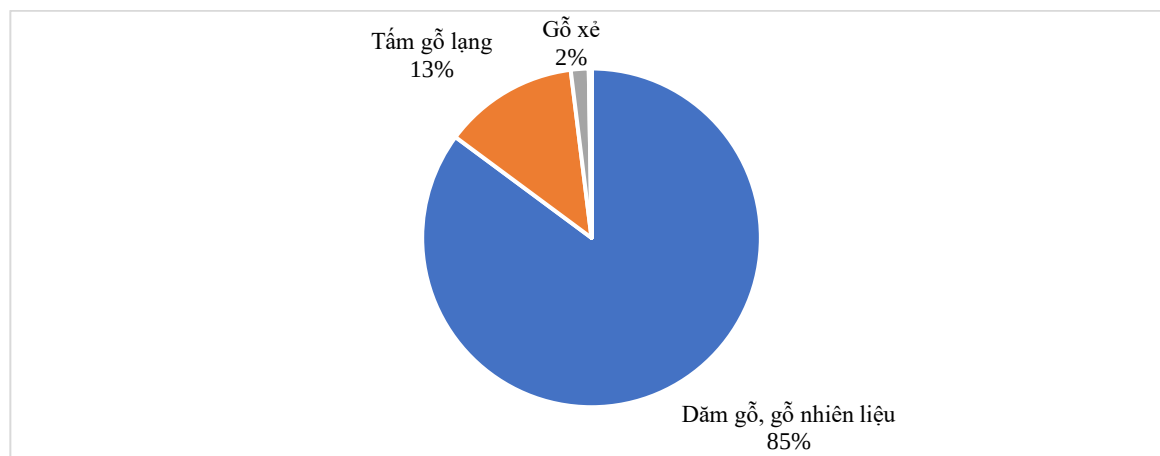


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt

113,0 triệu USD, chiếm 85,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 17,1 triệu USD, chiếm 12,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,7% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 22: Chủn loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH Hào Hưng, Công ty TNHH Thanh Thành Đạt, và Công ty Cổ phần Nguyệt Anh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 17,0%, 8,8% và 6,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Trung Quốc trong tháng 06/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu cà phê các loại của Trung Quốc niên vụ 2021/2022 đứng thứ 8 toàn cầu, ở mức là 3.350 nghìn bao, giảm 5,22% so với niên vụ 2020/2021, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 300 nghìn bao, tăng 9,09% so với niên vụ trước. Tiêu thụ nội địa tăng nhẹ, lên mức 3,65 triệu. Dự báo quy mô thị trường ngành cà phê Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép trung bình 10% từ năm 2021 đến năm 2026, và quy mô thị trường sẽ đạt gần 170 tỷ nhân dân tệ vào năm 2026. Việc xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ khó khăn hơn sau khi Lệnh số 249 ngày 14/4/2021 về “biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” và Lệnh số 248 ngày 12/4/2021 về “quy định về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Theo đó, để xuất khẩu sản phẩm sang Trung Quốc, tất cả các nhà sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm (trừ phụ gia thực phẩm) ở nước ngoài đều phải đăng ký với cơ quan chức năng nước này. Tùy thuộc vào loại sản phẩm, các nhà sản xuất thực phẩm phải đăng ký với Tổng cục Quản lý Hải quan Trung Quốc bằng các hình thức sau: (i) thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu hoặc (ii) trực tiếp và/hoặc thông qua một đại lý tư nhân.

2. Rau quả

Hiện tại, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả đang gặp không ít khó khăn khi đối mặt với giá cước phí vận chuyển trong và ngoài nước tăng cao. Bên cạnh đó, việc các địa phương áp dụng các biện pháp chống dịch khác nhau, đặc biệt là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và 18 tỉnh thành phía Nam thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 của Chính phủ, lái xe phải khai báo y tế liên tục, khiến thời gian lưu thông dài (trước đây đi từ miền Tây ra các cửa khẩu với Trung Quốc mất chỉ 30 tiếng, nay kéo dài lên 40 tiếng, thậm chí nhiều hơn) gây ảnh hưởng đến chất lượng rau quả. Hơn nữa, hiện nay Trung Quốc đã từ chối nhập khẩu tôm đông lạnh của Ấn Độ do cáo buộc bao bì có virus SARS-CoV-2, cộng thêm với tình hình xuất hiện các ca lây nhiễm Covid-19 tại nhiều tỉnh thành ở Trung Quốc sẽ khiến nước này kiểm soát chặt chẽ hơn đối với hàng hóa nhập khẩu; tình hình lũ lụt tại quốc gia này sẽ ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển và tiêu thụ rau quả. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả ngoài việc chú trọng về chất lượng, mẫu mã, bao bì, quy cách đóng gói và mã số vùng trồng, cần chủ động nắm bắt các thay đổi trong chính sách nhập khẩu của Trung Quốc

và tình hình thông quan tại các cửa khẩu, thực hiện nghiêm các quy định mới về hàng hóa, nông sản nhập khẩu vào Trung Quốc.

3. Cao su

Theo Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên ANRPC, giá cao su tự nhiên được kỳ vọng sẽ tăng trong ngắn hạn do nhu cầu gia tăng tại Trung Quốc. Tồn kho cao su tự nhiên tại Qingdao đã giảm xuống 150.000 tấn trong tháng 5 và tháng 6/2021. Để bù đắp thiếu hụt cao su tồn kho, trong những tháng tới Trung Quốc có thể sẽ gia tăng nhập khẩu cao su.

4. Thủy sản

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong nước của Trung Quốc đang tăng trưởng trở lại, và nguồn cung thủy sản trong nước đang thiếu hụt đây là cơ hội lớn để các nhà xuất khẩu đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang thị trường này để nâng cao giá trị và chiếm lĩnh thị phần. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu phải chú ý khi quốc gia này đang thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ đối với hàng thủy sản nhập khẩu. Chính vì vậy doanh nghiệp cần có phương án cụ thể để giảm thiểu rủi ro và đáp ứng được những yêu cầu của đối tác, tránh trường hợp như sản phẩm tôm của Ấn Độ xuất khẩu vào thị trường này như hiện nay.

5. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Cảng nhập khẩu gỗ lớn nhất của Trung Quốc, Xinminzhou tại thành phố Trấn Giang thuộc tỉnh Giang Tô luôn hoạt động tối đa công suất kể từ đầu năm 2021. Trong 5 tháng đầu năm 2021, cảng này đã thông quan 1,65 triệu m³ gỗ, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020. Theo đó, dự báo trong những tháng tới nhu cầu nhập khẩu gỗ của Trung Quốc tiếp tục tăng.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 6/2021

Sản phẩm	Tháng 6.2021 (USD)	Tăng/giảm so T5/2021	Tăng/giảm so T6/2020	Tỷ trọng (%)
Tổng XK NLTS	833.959.393	3,5%	35,6%	100,0%
Cà phê	11.375.034	5,6%	89,0%	1,4%
Cao su	188.897.301	119,1%	47,6%	22,7%
Chè	1.628.794	11,0%	-2,7%	0,2%
Gạo	55.735.722	-5,3%	208,9%	6,7%
Gỗ và SP Gỗ	137.394.345	-8,0%	55,7%	16,5%
Rau quả	159.435.644	-14,8%	16,5%	19,1%
Hàng thủy sản	90.457.042	-5,7%	-21,0%	10,8%
Hạt điều	62.722.361	-12,4%	55,7%	7,5%
Mây tre đan	914.232	1,8%	7,4%	0,1%
SP từ cao su	9.363.227	6,1%	30,8%	1,1%
Sắn & SP sắn	76.794.577	-1,4%	59,5%	9,2%
TĂGS & NL	36.624.560	-33,6%	47,3%	4,4%
Thịt & SP Thịt	2.616.554	83,0%	491,3%	0,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 6/2021

Loại sản phẩm	Tháng 6/2020		Tháng 6/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	2.852	1.850.898	50.970	33.155.819	1687,5%	1691,3%
Gạo nếp	23.504	14.433.512	36.763	17.437.585	56,4%	20,8%
Các loại gạo khác	3.721	1.758.083	10.361	5.142.318	178,4%	192,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 6/2021

Mặt hàng	T6/2020 (USD)	T6/2021 (USD)	So sánh T6/2020 và T6/2021
Tổng giá trị XK	6.019.003	11.375.034	88,99%
Chưa rang chưa khử cafein	2.233.544	3.168.317	41,85%
Đã rang chưa khử cafein	177.467	181.176	2,09%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	2.483.859	5.687.285	128,97%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.124.133	2.338.257	108,01%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 6/2021

Sản phẩm	T6/2020 (USD)	T6/2021 (USD)	So sánh T6.2021/T6.2020
Tổng giá trị XK	136.894.856	159.435.644	16,5%
Thanh long	73.556.712	68.646.270	-6,7%
Vải	21.531.428	30.988.890	43,9%
Mít	9.303.091	12.708.371	36,6%
Chuối	7.490.820	10.402.322	38,9%
Chanh	3.221.384	5.807.611	80,3%
Xoài	2.755.862	4.743.841	72,1%
Ốt	1.438.751	4.079.858	183,6%
Dừa	4.227.350	3.655.009	-13,5%
Sầu riêng	2.471.179	1.283.442	-48,1%
Dưa hấu	227.839	558.070	144,9%
Măng cụt	462.401	87.067	-81,2%
Nhãn	23.749	65.635	176,4%
Chôm chôm	37.022	8.249	-77,7%
Khác	10.147.268	16.401.009	61,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc tháng 6/2021

Sản phẩm	T6/2020 (USD)	T6/2021 (USD)	So sánh T6.2021/T6.2020
Tổng giá trị XK	442.484,1	2.616.553,7	491%
Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	134.625,0	979.167,7	627%
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	307.177,9	1.637.385,9	433%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021

Loại sản phẩm	Tháng 6/2021 (USD)	Tháng 6/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Tổng giá trị XK	83.900.308,65	129.026.043,00	-35,0%
Cá da trơn	32.188.336,83	46.398.471,14	-30,6%
Cá ngừ	523.600,51	251.682,52	108,0%
Cá rô phi	58.000,00	787.710,32	-92,6%
Cua, ghẹ	2.890.854,05	4.665.502,50	-38,0%
Mực và bạch tuộc	1.651.474,14	4.900.144,11	-66,3%
Tôm	34.817.596,31	55.314.025,33	-37,1%
Thủy sản khác	11.770.446,80	16.708.507,07	-29,6%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2021**

Sản phẩm	T6.2020 (USD)	T6.2021 (USD)	So sánh T6.2021/T6.2020
Tổng giá trị XK	48.148.385	76.794.577	59,5%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	10.836.465	6.223.921	-42,6%
Tinh bột sắn	37.311.920	70.570.656	89,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan